

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA
Số: /CV/HG

"V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
Quý III năm 2013 so với quý III năm 2012"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----
Hà long, ngày 16 tháng 10 năm 2013

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

So sánh báo cáo kết quả kinh doanh quý III năm 2013 và quý III năm 2012 của
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia như sau:

DVT: VND

Diễn giải	Quý III/2013	Quý III/2012	Tỷ lệ tăng +, giảm - %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.513.005.772	59.704.399.260	(24)
Giá vốn hàng bán	27.628.892.760	28.397.540.868	(3)
Chi phí bán hàng	3.892.816.980	3.894.336.128	(0)
Chi phí quản lý	9.922.281.516	10.102.517.260	(2)
Cộng chi phí	41.443.991.256	42.394.394.256	(2)
Lợi nhuận sau thuế	(3.647.684.472)	4.560.894.612	

Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu:

1. Doanh thu quý III /2013 giảm so với quý III /2012 là do tình hình suy thoái kinh tế của thế giới nói chung và Việt nam nói riêng cụ thể: Bất động sản đóng băng, giá vàng lao dốc, chứng khoán còn nhiều bất ổn... do vậy ảnh hưởng rất lớn tới ngành kinh doanh du lịch dịch vụ nói chung và của Công ty Hoàng gia nói riêng.
2. Doanh thu giảm nên lợi nhuận sau thuế cũng giảm.

Công ty kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng giám đốc

Đỗ Trí Vỹ



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.880.578.176	120.410.125.448
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.517.988.164	4.054.440.964
1. Tiền	111		2.517.988.164	4.054.440.964
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.991.180.360	99.256.875.400
1. Phải thu khách hàng	131	5	41.057.833.404	74.894.946.984
2. Trả trước cho người bán	132		38.996.031.936	28.355.051.748
3. Các khoản phải thu khác	135		385.884.384	124.613.924
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.448.569.364)	(4.117.737.256)
IV. Hàng tồn kho	140	6	17.691.486.360	16.492.568.488
1. Hàng tồn kho	141		19.040.882.652	17.828.622.204
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.349.396.292)	(1.336.053.716)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.679.923.292	606.240.596
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		462.644.748	527.719.036
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.507.019.040	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		710.259.504	78.521.560
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.220.443.634.616	1.172.593.239.264
I. Tài sản cố định	220		1.067.896.957.560	1.031.684.946.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	366.750.900.876	370.038.454.232
- Nguyên giá	222		543.019.286.124	548.959.180.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.268.385.248)	(178.920.726.232)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	40.123.203.924	43.819.216.908
- Nguyên giá	228		99.451.834.092	98.468.473.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.328.630.168)	(54.649.256.208)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	661.022.852.760	617.827.274.884
II. Bất động sản đầu tư	240		39.041.280.372	37.350.373.356
- Nguyên giá	241		46.432.804.872	43.722.262.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.391.524.500)	(6.371.889.212)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.822.729.796	8.735.492.308
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	8.822.729.796	8.735.492.308
IV. Tài sản dài hạn khác	260		104.682.666.888	94.822.427.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	102.957.083.808	92.679.997.012
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.725.583.080	2.142.430.564
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.321.324.212.792	1.293.003.364.712

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		272.400.128.496	248.058.459.940
I. Nợ ngắn hạn	310		185.126.518.632	227.349.658.584
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	98.511.272.460	102.507.376.392
2. Phải trả người bán	312		35.587.758.180	60.361.689.284
3. Người mua trả tiền trước	313		73.815.324	90.435.176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	27.095.377.728	42.605.048.648
5. Phải trả người lao động	315		6.530.962.776	5.247.614.600
6. Chi phí phải trả	316		790.196.304	855.885.004
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		16.537.135.860	15.681.609.480
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232			
II. Nợ dài hạn	330		87.273.609.864	20.708.801.356
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	79.725.914.100	13.199.474.236
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.453.783.992	4.451.964.172
3. Các khoản phải trả dài hạn khác	333		2.421.538.104	2.485.301.100
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		672.373.668	572.061.848
B. NGUỒN VỐN	400		1.048.924.084.296	1.044.944.904.772
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	15	1.048.924.084.296	1.044.944.904.772
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá	416		213.130.335.531	203.149.171.611
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.260.193.409	11.260.193.409
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		39.482.910.156	45.484.894.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.321.324.212.792	1.293.003.364.712

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc

Đỗ Trí Vỹ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm	
		2013	2012	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	45.513.005.772	59.704.399.260	136.675.898.568	170.901.883.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.631.769.588	6.963.904.284	13.502.251.104	17.982.062.080
<i>Chiết khấu thương mại</i>	05	359.694.564	407.562.304	1.119.556.956	1.529.420.868
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08	4.272.075.024	6.556.341.980	12.382.694.148	16.452.641.212
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	40.881.236.184	52.740.494.976	123.173.647.464	152.919.821.668
4. Giá vốn hàng bán	11	27.628.892.760	28.397.540.868	82.985.042.616	78.195.226.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	13.252.343.424	24.342.954.108	40.188.604.848	74.724.594.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	413.294.292	302.401.732	4.338.927.432	1.338.323.968
7. Chi phí tài chính	22	2.612.439.804	3.267.913.200	8.312.669.904	11.830.678.904
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	2.440.344.288	3.244.981.572	7.993.217.208	11.536.754.168
8. Chi phí bán hàng	24	3.892.816.980	3.894.336.128	12.021.400.848	12.002.176.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.922.281.516	10.102.517.260	27.932.589.492	32.525.692.124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(2.761.900.584)	7.380.589.252	(3.739.127.964)	19.704.371.056
11. Thu nhập khác	31	405.195.432	522.699.488	1.888.296.540	1.434.486.844
12. Chi phí khác	32	1.290.979.320	1.489.951.808	4.135.572.420	4.137.586.340
13. Lợi nhuận khác	40	(885.783.888)	(967.252.320)	(2.247.275.880)	(2.703.099.496)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.647.684.472)	6.413.336.932	(5.986.403.844)	17.001.271.560
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.852.442.320	-	5.727.845.796
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			438.242.988	(773.260.328)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.647.684.472)	4.560.894.612	(6.424.646.832)	12.046.686.092

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi



Đỗ Trí Vỹ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm	
		2013	2.012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế			
	01	(5.986.403.844)	17.001.271.560
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.157.356.684	21.876.752.284
Các khoản dự phòng	03	(1.710.289.908)	1.896.847.616
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.428.669.308)	50.632.868
Lỗ thanh lý tài sản	05	1.008.045.120	55.964.836
Chi phí lãi vay	06	7.993.217.208	11.536.754.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
	08	20.033.255.952	52.418.223.332
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	22.460.179.272	1.421.219.408
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	(1.034.213.904)	1.527.962.908
(Tăng) giảm các khoản phải trả	11	(29.685.372.120)	17.099.517.236
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(560.588.364)	(218.298.268)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.986.616.672)	(18.022.051.840)
Thuế TNDN đã nộp	14	(5.813.529.996)	(1.899.992.644)
Tiền chi khác cho HDSXKD	16	(216.628.728)	(1.218.208.892)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(7.803.514.560)	51.108.371.240
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ			
	21	(59.948.350.728)	(19.597.127.684)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
	22	982.444.308	54.590.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.965.906.420)	(19.542.537.496)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			
	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
	33	164.467.525.824	90.041.131.068
3. Tiền chi trả nợ gốc vay			
	34	(101.672.120.784)	(124.215.046.972)
4. Thù lao Hội đồng quản trị			
	36	(31.554.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	62.763.851.040	(34.173.915.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.005.569.940)	(2.608.082.160)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2013

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm	
		2013	2012
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	4.054.440.964	31.875.025.404
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	2.469.117.140	(50.653.696)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	2.517.988.164	29.216.289.548

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Quý III - năm 2013

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/4/2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29/12/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28/01/2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNDC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01/07/2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.



Ngày 30/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần

Ngày 22/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần

Ngày 30/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNNI do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở qui đổi từ báo cáo gốc là đô la mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2012 và 30/09/2013 là: 20.828 VND/1USD và 21.036 VND/1USD.



Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 07 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, khách chi được cho vay trong một hạn mức và trong một khoảng thời gian nhất định do Tổng Giám đốc quyết định. Khách hàng được cho vay dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13/08/1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang



Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo.

Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCDN ngày 10/01/2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn 13 tầng và chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.

Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ như sau:

Đối với công cụ dụng cụ phát sinh trước ngày 01/01/2012 phân bổ theo tỷ lệ 30%/năm.

Đối với công cụ dụng cụ phát sinh sau ngày 01/01/2012 phân bổ theo tỷ lệ qui định trong thông tư 123 không quá 2 năm là 50%/năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: bán hàng ăn, giải khát, bán vé trên bờ, cho thuê phòng biệt thự được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và



Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.225.725.648	2.751.941.156
Tiền gửi ngân hàng	1.249.454.256	68.753.228
Tiền đang chuyển	42.808.260	1.233.746.580
Cộng:	2.517.988.164	4.054.440.964

5. Phải thu của khách hàng

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng CLB	33.348.265.620	58.847.181.264
Phải thu từ các hoạt động kinh doanh khác	7.709.567.784	16.047.765.720
Cộng:	41.057.833.404	74.894.946.984

6. Hàng tồn kho

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.802.675.588	13.489.066.748
Hàng hóa	4.238.207.064	4.339.555.456
Cộng:	19.040.882.652	17.828.622.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.349.396.292)	(1.336.053.716)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	17.691.486.360	16.492.568.488



7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	411.608.976.120	100.893.560.468	13.913.291.452	12.836.025.636	9.707.326.788	548.959.180.464
Tại ngày 30/09/2013	416.722.381.668	96.715.176.708	2.322.248.184	17.885.859.000	9.373.620.564	543.019.286.124
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	89.976.376.816	58.921.683.020	12.520.773.028	9.954.117.760	7.547.775.608	178.920.726.232
Tại ngày 30/09/2013	99.708.578.472	57.554.832.576	2.024.988.468	9.249.592.308	7.730.393.424	176.268.385.248
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	321.632.599.304	41.971.877.448	1.392.518.424	2.881.907.876	2.159.551.180	370.038.454.232
Tại ngày 30/09/2013	317.013.803.196	39.160.344.132	297.259.716	8.636.266.692	1.643.227.140	366.750.900.876

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2013	96.850.200.000	1.618.273.116	98.468.473.116
Tại ngày 30/09/2013	97.817.400.000	1.634.434.092	99.451.834.092
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2013	53.609.126.716	1.040.129.492	54.649.256.208
Tại ngày 30/09/2013	58.114.747.788	1.213.882.380	59.328.630.168
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	43.241.073.284	578.143.624	43.819.216.908
Tại ngày 30/09/2013	39.702.652.212	420.551.712	40.123.203.924

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	661.022.852.760	617.827.274.884
Cộng:	661.022.852.760	617.827.274.884



10. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động*	91.624.969.572	87.686.025.796
<i>Khách sạn 5 sao</i>	<i>91.624.969.572</i>	<i>87.686.025.796</i>
Công cụ dụng cụ	10.884.657.480	3.565.295.384
Sửa chữa lớn tài sản cố định	447.456.756	1.428.675.832
Cộng:	102.957.083.808	92.679.997.012

(*) Theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 1 năm 2003 của Bộ Tài chính, chi phí trước hoạt động của hạng mục khách sạn 13 tầng chưa được phân bổ cho đến khi khách sạn này được đưa vào hoạt động kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, hạng mục này chưa được đưa vào hoạt động.

12. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – CN Thanh xuân (1)	32.941.429.380	29.829.236.760
Ngân ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – CN Hạ long (2)	29.875.264.092	30.012.002.460
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp (3)	6.310.800.000	10.414.000.000
Ngân hàng TMCP Eximbank Quảng Ninh (4)	19.868.733.396	19.685.500.888
Vay dài hạn đến hạn trả	9.515.045.592	12.566.636.284
Cộng:	98.511.272.460	102.507.376.392

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 168.892.000.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng có giá trị đến ngày 31 tháng 08 năm 2014. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 14 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.



(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất áp dụng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 05 tháng 11 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

(3) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Cổ phần Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (Công ty mẹ) bằng USD với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 1 triệu USD có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2012 đến ngày 27 tháng 11 năm 2013. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay theo cách tính LIBOR 180 ngày cộng 3,25% lãi suất năm. Lãi và gốc được trả sau khi hết hạn hợp đồng.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 25 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng số HD-1900-LAV-201200324, bản sửa đổi bổ sung ngày 12/6/2013 với hạn mức 15 tỷ VND hết hạn vào ngày 21 tháng 12 năm 2013, thời gian trả nợ khoản vay cũ 21/06/2014, hợp đồng số HD-1900-LAV-2012 với hạn mức 5 tỷ VND hết hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	9.497.690.892	16.150.447.760
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.401.542.404	16.126.412.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.466.321.448	8.755.049.800
Các loại thuế khác	729.822.984	1.573.138.840
Cộng:	27.095.377.728	42.605.048.648

14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn (1)	79.725.914.100	13.199.474.236
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.453.783.992	4.451.964.172
Phải trả dài hạn khác	2.421.538.104	2.485.301.100
Doanh thu chưa thực hiện	672.373.668	572.061.848
Cộng:	87.273.609.864	20.708.801.356



Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton ngày 18 tháng 12 năm 2008 để xây dựng đầu tư khách sạn 13 tầng. Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Gốc vay được trả trong 31 kỳ 3 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

15. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Tổng cộng
Số dư 31/12/2012	703.687.540.000	45.484.894.552	81.363.105.200	11.260.193.409	203.149.171.611	1.044.944.904.772
Số dư 30/09/2013	703.687.540.000	39.482.910.156	81.363.105.200	11.260.193.409	213.130.335.531	1.048.924.084.296

Tình hình vốn góp của các cổ đông tại thời điểm 30/09/2013 như sau :

Đơn vị tính : VND

Cổ đông	30/09/2013	Tỷ lệ %	31/12/2012	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530.000	7	47.219.530.000	7
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải	369.386.320.000	52	369.386.320.000	52
Tiếp				
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	93.454.360.000	13	93.454.360.000	13
Các cổ đông khác	193.627.330.000	28	193.627.330.000	28
Cộng:	703.687.540.000	100	703.687.540.000	100



16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.986.403.844)	17.001.271.560
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	1.710.289.908	101.765.608
- Thu nhập không chịu thuế (1)		101.765.608
- Hoàn nhập dự phòng	1.710.289.908	
Cộng:		6.011.877.232
- Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	2.233.686.624	4.115.029.616
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		1.896.847.616
Thu nhập chịu thuế	(5.463.007.128)	22.911.383.184
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.727.845.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	438.242.998	(773.260.328)
	438.242.998	4.954.585.468

17. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND
Vốn vay nhận được từ công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai Tiệp	0	
Chi phí lãi vay phát sinh với công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai Tiệp	266.084.364	522.470.380
Bán hàng cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai Tiệp	69.166.368	83.770.216
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	73.604.964	407.458.164



Số dư với các bên liên quan:

	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư các khoản phải thu		
Ông Đỗ Trí Vỹ	0	4.760.135.260
Số dư các khoản phải trả:		
Gốc vay phải trả Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	6.310.800.000	10.414.000.000
Lãi vay phải trả Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	222.939.528	29.909.008
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	338.953.068	335.622.392

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong quý như sau:

	Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND
Thu nhập của Ban giám đốc điều hành	1.163.711.520	1.177.115.248

18. Những thông tin khác

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2013

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc

Đỗ Trí Vỹ

